

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06-11-2020

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Văn Phú Vinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Bà Nguyễn Thị Mùa**

**Ông Phan Tấn Lãm**

**- Thư ký phiên tòa:** **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:** **Bà Lê Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “***Ly hôn***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** **Bà Lê Thị A**, sinh năm 1985 (có mặt)

***Bị đơn:*** **Ông Đặng Văn B**, sinh năm 1986 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày:***

Bà Lê Thị A và ông Đặng Văn B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 21 tháng 10 năm 2005. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh

phức được khoảng 01 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B đi đánh cờ bạc, đi chơi đá gà, uống rượu không chăm lo cho gia đình, Anh hạ vợ con, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, không còn có tiếng nói chung và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đặng Văn B.

*Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung là Đặng Thị C, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2006 và Đặng Khánh D, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2007. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung nêu trên cho đến khi đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà A không yêu cầu.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà A không yêu cầu.

***Bị đơn ông Đặng Văn B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên toà lần thứ 2, ông Đặng Văn B có mặt và trình bày như sau:***

Thông nhất như lời trình bày của bà Lê Thị A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay tại toà, bà A yêu cầu ly hôn thì ông B cũng đồng ý. Về con chung ông yêu cầu được nuôi 02 con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 3 năm 2020, cháu Đặng Khánh D trình bày:***

Cháu D hiện nay đang học lớp 7 trường THCS Võ Thị Sáu, việc bố mẹ cháu là ông B và bà A làm đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với nhau tại Tòa án thì cháu có biết việc này, về mâu thuẫn vợ chồng giữa bố mẹ cháu C thế nào thì cháu chỉ biết bố mẹ cháu thường hay cãi nhau và hay đánh mẹ cháu, bố cháu còn hay uống rượu và không về nhà, hiện nay mẹ cháu (bà A) không còn sống chung với bố cháu, và cháu đang ở với bố cháu, còn mẹ cháu đi làm để lo cho các cháu. Khi bố mẹ cháu ly hôn và không sống chung với nhau thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ cháu (bà A), vì mẹ cháu quan tâm và chăm sóc cháu tốt hơn bố cháu. Việc cháu D có nguyện vọng được sống cùng với mẹ cháu (bà A) là do cháu hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 3 năm 2020, cháu Đặng Thị C trình bày:***

Hiện nay cháu C đang học lớp 8, tại trường PTCS Võ Thị Sáu, tại thôn Khắc Khoan,

xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Cháu C biết việc mẹ là bà A làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bố là ông B. Về mâu thuẫn vợ chồng thì cháu C chỉ biết bố mẹ thường hay cãi nhau và bố thường hay đánh mẹ, nay cháu đang ở với bố do mẹ bận đi làm. Khi bố mẹ ly hôn và không sống chung với nhau thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, vì mẹ quan tâm và chăm sóc cháu tốt hơn bố. Bố thường hay đi uống rượu ban đêm và không về nhà nên cháu không yên tâm. Việc cháu C có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (bà A) là do hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc.

### ***Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :***

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã vi phạm thời hạn xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị A.

Về con chung: Giao 02 người con là cháu Đặng Thị C, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2006 và cháu Đặng Khánh D, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2007 cho bà Lê Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Xác định đây là vụ án tranh chấp “**Ly hôn**” do bà Lê Thị A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Đặng Văn B cư trú tại: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

**[2] Phân tích nội dung tranh chấp:**

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Lê Thị A cho thấy, bà và ông Đặng Văn B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện Phước Long (cũ), nay là huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 21 tháng 10 năm 2005. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng ông bà có hạnh phúc được khoảng 01 năm. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, ông B không quan tâm đến gia đình, không chăm lo làm ăn, thường xuyên đi đánh bài, đi đá gà, hay đi uống rượu về chửi bới, đánh đập bà A, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay.

Tại phiên tòa, bà A cho rằng bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần Cng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, và bà A xác định nay không còn tình cảm với ông B. Mặc dù, tại phiên tòa có mặt ông B nhưng bà A vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu được ly hôn với ông B. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

*[2.2] Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà A và ông B có 02 người con chung là Đặng Thị C, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2006 và Đặng Khánh D, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2007. Quá trình thu thập chứng cứ cũng lời khai của bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con là cháu C và cháu D cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về phía ông B cũng yêu cầu được nuôi 02 con chung. Tuy nhiên, về phía cháu C và cháu D cũng có lời khai và nguyện vọng được ở với bà A. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, nghĩ cần thiết phải giao 02 người con chung là cháu C và cháu D cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

*[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu nên không xem xét.

**[3]** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm:** Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A về việc tranh chấp “ly hôn”**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị A được ly hôn với ông Đặng Văn B.
- Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Đặng Thị C, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2006 và cháu Đặng Khánh D, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2007 cho bà Lê Thị A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi 02 người con chung tròn 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.*

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

**2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Lê Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0019128, Quyền số 000383 ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa**

**Văn Phú Vinh**

